

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THÁP MƯỜI  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 14-5-2021

V/v Tranh chấp về hôn nhân  
và gia đình

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệu.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Thị Thanh Trang.

Ông Trần Văn Truyen.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Văn Jét - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, Đồng Tháp.

Ngày 14 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 571/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2020, về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 118/2021/QĐXX-ST ngày 22 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 209/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 15 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị P**, sinh năm: 1988.

HKTT: Khóm 1, thị trấn M, huyện Tháp Mười, Đồng Tháp.

Chỗ ở hiện nay: Khóm 4, thị trấn M, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Anh **Cao Tấn T**, sinh năm: 1987.

Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn M, huyện Tháp Mười, Đồng Tháp.

Chị P có mặt tại phiên tòa, anh T vắng mặt không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Bùi Thị Phục trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T tự nguyện yêu nhau, được gia đình hai bên đồng ý tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Mỹ An, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn năm 2007.

Cuộc sống hôn nhân lúc đầu rất hạnh phúc nhưng thời gian sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm sống, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị và anh T đã sống ly thân từ tháng 4/2020 đến nay. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

- Về quan hệ nuôi con: Có 02 con chung tên Cao Tấn P1, sinh ngày 20/10/2006 và Cao Thiên P2, sinh ngày 18/01/2011, hiện đang sống chung với chị P. Chị P yêu cầu nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

- Về quan hệ tài sản, nợ chung: Không có.

- Anh Cao Tấn T là bị đơn trình bày: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T có đến Tòa án để hòa giải ghi nhận ý kiến thống nhất theo yêu cầu của nguyên đơn. Tuy nhiên, ngày 14/12/2020 anh T có văn bản thay đổi ý kiến và có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản. Tuy nhiên anh T đã được Tòa án tổng đạt trực tiếp thông báo nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định nhưng anh T không thực hiện và vắng mặt hòa giải, xét xử nên Tòa án tiến hành xét xử theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Đây là tranh chấp về ly hôn giữa nguyên đơn chị Bùi Thị P, bị đơn anh Cao Tấn T, hiện anh T đang cư trú tại khóm 1, thị trấn M, huyện Tháp Mười nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Cao Tấn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng không đến tham dự phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án:

Hội đồng xét xử xét từng yêu cầu của chị P như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị P và anh T kết hôn vào năm 2007 hôn nhân được xác lập trên cơ sở tìm hiểu, quen biết nhau trước mới tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Tuy nhiên, trong quá trình chung sống chị P và anh T phát sinh mâu thuẫn, không còn hạnh phúc và hiện nay vợ chồng sống ly thân cũng đã lâu. Tại

phiên tòa hôm nay, chị xác định không còn tình cảm gì với anh T nữa, có sống chung cũng không mang lại hạnh phúc, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Trong quá trình giải quyết, Tòa án thực hiện việc triệu tập hợp lệ cho anh T nhưng anh vẫn vắng mặt. Điều này thể hiện sự không trách nhiệm của anh T đối với hôn nhân của mình, không có thiện chí trong việc giải quyết mâu thuẫn và hàn gắn tình cảm vợ chồng. Từ đó, xét thấy yêu cầu ly hôn của chị P là có căn cứ phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình quy định.

*“1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.*

*.....”*

Do đó, chấp nhận yêu cầu của chị Bùi Thị P xin ly hôn với anh Cao Tấn T.

- Về quan hệ nuôi con chung: Xét yêu cầu nuôi con của chị P là có căn cứ bởi lẽ: Chị là người đang trực tiếp nuôi dạy con, có thu nhập ổn định do làm nghề mua bán, có điều kiện về thời gian, lo cho con học hành đàng hoàng, đảm bảo sức khỏe tốt. Xét về quyền lợi mọi mặt và nguyện vọng của 02 con chung là được sống với chị P nên chấp nhận giao 02 con chung cho chị P nuôi dưỡng là phù hợp pháp luật theo khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định:

*“.....*

*2. Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.”*

Về cấp dưỡng nuôi con, chị P không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

- Về quan hệ tài sản: Chị P trình bày không có tài sản chung. Tuy nhiên anh T trình bày có tài sản chung và có nộp đơn yêu cầu chia tài sản nhưng do anh T không nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét trong vụ án này.

- Về quan hệ nợ chung: Không có.

[4] Về án phí: Chị P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[5] Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Bùi Thị P, cho chị Bùi Thị P được ly hôn với anh Cao Tấn T.

2. Về quan hệ nuôi con:

Chị Bùi Thị P được quyền nuôi dưỡng 02 con chung tên Cao Tấn P1, sinh ngày 20/10/2006 và Cao Thiên P2, sinh ngày 18/01/2011, chị Bùi Thị P không yêu cầu anh Cao Tấn T cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nuôi, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về quan hệ tài sản, nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị P phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006707, ngày 19/11/2020, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười.

Chị Bùi Thị P được quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Cao Tấn T vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

#### **Nơi nhận:**

- TAND, VKSND Tỉnh ĐT;
- VKSND cùng cấp
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND thị trấn Mỹ An;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.(J)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

**Nguyễn Thị Ngọc Diệu**